TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2024/HSST
Ngày 10/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG, TỈNH CAO BẰNG:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Long Văn Thanh

Bà Nông Thị Duyên

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lục Đức Long – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà*:** Ông Đinh Mạnh Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 80/2024/HSST ngày 23 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2024 và Thông báo mở lại phiên toà số 410/TB-TA ngày 25 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Vũ Thị Thanh sinh ngày: 23 tháng 9 năm 1959 tại thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Nơi thường trú: tổ D, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; chỗ ở hiện nay: tổ A, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đình K, sinh năm 1932 và bà Trần Thị H (đã chết); có chồng là Nông Văn T, sinh năm 1959 và 02 con, con lớn sinh năm 1979 và con nhỏ sinh năm 1981; tiền án, tiền sự: không.

Đặc điểm nhân thân:

- Năm 1996 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 9 tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc, 6 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, tổng hợp hình phạt là 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng.

- Năm 1998 bị Công an thị xã C (nay là thành phố C) xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc.

- Năm 2004 bị Công an thị xã C (nay là thành phố C) xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc.

- Năm 2011 bị Công an tỉnh C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/12/2023 đến nay; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Lê Thị Thanh B - sinh năm 1978; Trú tại: Tổ A, phường S, thành phố C, Cao Bằng; vắng mặt.

2. Vương Thị Thu H1 - sinh năm 1978; trú tại: tổ A, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

3. Đặng Kim T1 - sinh năm 1976; trú tại: tổ H, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

4. Cao Thị X - sinh năm 1976; trú tại: tổ A, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

5. Hoàng Hồng Q - sinh năm 1984; trú tại: tổ A, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

6. Nông Văn P - sinh năm 1989; trú tại: xóm L, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

7. Nguyễn Đức T2 - sinh năm 1987; trú tại: tổ A, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Qua công tác điều tra, nắm tình hình địa bàn, Đ Công an thành phố C phát hiện Vũ Thị T3 *(Sinh năm 1959; Trú tại: Tổ A, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng)* có biểu hiện nghi vấn hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra, T3 khai nhận đã cho nhiều người vay tiền với lãi suất cao để hưởng lợi bất chính. Hồi 11 giờ ngày 23/12/2023, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C tiến hành khám xét khẩn cấp người, chỗ ở đối với Vũ Thị T3 tại tổ A, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng phát hiện, thu giữ: 01 (*Một*) quyển sổ có bìa màu xanh, ngoài ghi chữ PHANTOM PLANET, đã qua sử dụng, bên trong quyển sổ có nội dung liên quan đến hành vi cho vay tiền được đánh số 01, 02, 03; 01 (*Một*) tờ giấy kẻ ô li có ghi chữ Giấy vay tiền mặt, được đánh số 04; 01 (*Một*) tờ giấy kẻ ngang, có ghi tên "Cháu T4" được đánh số 05; 01 (*Một*) điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 6 PLUS, màu vàng trắng.

Quá trình điều tra xác định: từ tháng 7/2022 đến tháng 12/2023 Vũ Thị T3 đã cho nhiều người vay tiền với lãi suất vượt quá lãi suất tối đa cho phép để hưởng lợi bất chính. Khi cho vay, T3 và người vay thỏa thuận tiền lãi sẽ trả theo tháng, hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc qua tài khoản ngân hàng. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã thu thập xác định được Vũ Thị T3 đã cho 07 người vay tiền. Cụ thể như sau:

1. Lê Thị Thanh B, *(sinh năm 1978; Trú tại: Tổ A, phường S, thành phố C, Cao Bằng)*

- *Khoản vay thứ nhất:* Ngày 29/7/2022, B vay Vũ Thị Thanh số tiền: 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng)* với lãi suất: 5.000đ/1.000.000đ/ngày tương ứng với lãi suất: 182,5%/năm, gấp 9,125 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự. Tháng 8, tháng 9/2022, B trả T3 mỗi tháng 900.000đ *(Chín trăm nghìn đồng)* tiền lãi. Ngày 29/9/2022, B vay thêm số tiền: 4.000.000đ *(Bốn triệu đồng)* với lãi suất không đổi, tổng số tiền đã vay là: 10.000.000đ *(Mười triệu đồng).* Tháng 10/2022 B trả T3 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)* tiền lãi. Đến ngày 30/11/2022, B trả 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)* tiền gốc và 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)* tiền lãi của tháng 11/2022, còn lại 8.000.000đ (*Tám triệu đồng)* tiền gốc. Ngày 30/12/2022, B trả 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)* tiền gốc và 1.200.000đ *(Một triệu hai trăm nghìn đồng)* tiền lãi của tháng 12/2022, còn lại 6.000.000đ *(Sáu triệu đồng)* tiền gốc. Tháng 01/2023, B trả 900.000đ *(Chín trăm nghìn đồng)* tiền lãi, đồng thời ngày 16/01/2023 (theo bảng kê ngày 16/12/2022) vay thêm số tiền: 4.000.000đ *(Bốn triệu đồng)* với lãi suất không đổi. Tổng số tiền vay lúc này là: 10.000.000đ (*Mười triệu đồng).* Tháng 02/2023 và tháng 3/2023, B đều trả T3 số tiền lãi là 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*. Ngày 16/3/2023, B trả 4.000.000đ *(Bốn triệu đồng)* tiền gốc, còn lại 6.000.000đ *(Sáu triệu đồng)* tiền gốc. Ngày 17/4/2023, B trả 900.000đ *(Chín trăm nghìn đồng)* tiền lãi, đồng thời vay thêm số tiền: 4.000.000đ *(Bốn triệu đồng)* với lãi suất không đổi. Tổng tiền vay lúc này là: 10.000.000đ *(Mười triệu đồng).* Từ tháng 4/2023 đến tháng 9/2023, B đều trả cho T3 số tiền lãi là 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*)/tháng. Tháng 10/2023, B chỉ trả được 800.000đ *(T5 trăm nghìn đồng)* tiền lãi. Từ tháng 10/2023 đến nay, B chưa trả được tiền gốc và tiền lãi cho T3. Tổng số tiền T3 đã cho B vay là: 18.000.000đ *(Mười tám triệu đồng),* số tiền lãi thu được là 19.100.000đ *(Mười chín triệu một trăm nghìn đồng),* T3 thu lợi bất chính 16.930.137 *(Mười sáu triệu chín trăm ba mươi nghìn một trăm ba mươi bảy đồng).*

- *Khoản vay thứ hai:* Ngày 05/8/2022, B vay T3 số tiền: 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/ngày tương ứng với lãi suất 182,5%/năm. Ngày 05/9/2022, B trả 4.000.000đ *(Bốn triệu đồng)* tiền gốc và 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)* tiền lãi, còn lại 6.000.000đ *(Sáu triệu đồng)* tiền gốc. Đến ngày 03/10/2022, B trả 900.*000đ (Chín trăm nghìn đồng)* tiền lãi, đồng thời vay thêm: 4.000.000đ *(Bốn triệu đồng).* Tổng số tiền vay lúc này là: 10.000.000đ *(Mười triệu đồng).* Ngày 25/10/2022, B vay thêm số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng)* với lãi suất không đổi. Ngày 02/11/2022, B trả cho T3 số tiền lãi là: 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng),* đến ngày 25/11/2022 B trả thêm 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)* tiền lãi. Ngày 21/12/2022, B trả T3 22.100.000đ *(Hai mươi hai triệu một trăm nghìn đồng)* bao gồm: 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)* tiền gốc và 2.100.000đ *(Hai triệu một trăm nghìn đồng)* tiền lãi của cả hai khoản vay (do B không có đủ tiền nên đã thỏa thuận chỉ phải trả số tiền 2.100.000đ cho T3). Tổng số tiền T3 cho B

vay là: 24.000.000đ *(Hai mươi tư triệu đồng),* số tiền lãi thu được là 7.500.000đ *(Bảy triệu năm trăm nghìn đồng),* T3 thu lợi bất chính: 6.579.452đ *(Sáu triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng).*

- *Khoản vay thứ ba:* Ngày 24/8/2022, B vay T3 số tiền: 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/ngày tương ứng với lãi suất 182,5%/năm. Ngày 24/9/2022, B trả T3 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)* tiền lãi. Đến ngày 03/10/2022, B đã trả toàn bộ số tiền gốc là: 10.000.000đ *(Mười triệu đồng),* hai bên thỏa thuận tháng 10/2022 không tính lãi. Số tiền lãi T3 thu được là 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng),* số tiền thu lợi bất chính là: 1.335.616đ *(Một triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng).*

- *Khoản vay thứ tư:* Ngày 09/10/2022, B vay T3 số tiền: 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)* với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/ngày tương ứng với lãi suất 182,5%/năm. Từ tháng 11/2022 đến tháng 9/2023, hàng tháng B đã trả T3 750.000đ *(Bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền lãi. Từ tháng 9/2023 đến nay, do không có tiền nên B chưa trả tiền gốc và tiền lãi. Số tiền lãi T3 thu được là 8.250.000đ *(Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng),* số tiền thu lợi bất chính là 7.345.890 *(Bảy triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi đồng).*

- *Khoản vay thứ năm:* Ngày 20/01/2023, B vay T3 số tiền: 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)* với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/ngày tương ứng với lãi suất: 182,5%/năm. Từ tháng 02/2023 đến tháng 9/2023, hàng tháng B đã trả cho T3 750.000đ *(Bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền lãi. Từ tháng 9/2023 đến nay, do không có tiền nên B chưa trả tiền gốc và tiền lãi. Số tiền lãi T3 thu được là 6.000.000đ *(Sáu triệu đồng),* số tiền thu lợi bất chính là 5.342.466 *(Năm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng).*

- *Khoản vay thứ sáu:* Ngày 30/4/2023, B vay T3 số tiền: 12.000.000đ *(Mười hai triệu đồng)* với lãi suất: 5.000đ/1.000.000đ/ngày tương ứng với lãi suất 182,5%/năm. Ngày 30/5/2023 B đã trả T3 số tiền gốc 12.000.000đ *(Mười hai triệu đồng)* và 1.800.000đ *(Một triệu tám trăm nghìn đồng)* tiền lãi. T3 đã thu lợi bất chính số tiền 1.602.740 *(Một triệu sáu trăm linh hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng).*

Tổng số tiền Vũ Thị T3 đã cho Lê Thị Thanh B vay là: 74.000.000đ *(Bảy mươi tư triệu đồng)* lãi suất cho vay là 182,5%/năm, gấp 9,125 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự, số tiền lãi T3 thu được là 45.150.000đ *(Bốn mươi lăm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng)*, số tiền thu lợi bất chính là 39.136.301đ *(Ba mươi chín triệu một trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm linh một đồng)*

2. Vương Thị Thu H1 *(sinh năm 1978; Trú tại: Tổ A, phường H, thành phố C)*

Tháng 8/2022, H1 vay T3 số tiền: 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)* với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/ngày tương ứng với lãi suất: 182,5%/năm. Từ tháng 9/2022 đến tháng 9/2023, hàng tháng H1 đã trả T3 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)* tiền lãi. Đến ngày 16/10/2023, H1 trả T3 số tiền: 21.000.000đ *(Hai mươi mốt triệu đồng)* trong đó có 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)* tiền gốc và

1.000.000đ *(Một triệu đồng)* tiền lãi (H1 và T3 thỏa thuận tháng 10/2023 chỉ trả lãi suất của 10 ngày là: 1.000.000đ). Số tiền lãi T3 thu được là 40.000.000đ *(Bốn mươi triệu đồng),* số tiền thu lợi bất chính là 35.616.438đ (*Ba mươi lăm triệu sáu trăm mười sáu nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng).*

3. Đặng Kim T1 *(sinh năm 1976; Trú tại: Tổ H, phường H, thành phố C)*

Tháng 3/2023, T1 vay T3 số tiền: 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)* với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/ngày tương ứng với lãi suất: 182,5%/năm. Từ tháng 4/2023 đến tháng 11/2023, hàng tháng T1 đã trả T3 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)* tiền lãi. Đến ngày 14/12/2023, T1 đã trả toàn bộ tiền gốc và lãi cho T3. Số tiền lãi T3 thu được là 27.500.000đ *(Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng)*, số tiền thu lợi bất chính là 24.486.301đ *(Hai mươi tư triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm linh một đồng).*

4. Cao Thị X *(sinh năm 1976; Trú tại: Tổ A, phường S, thành phố C)*

- *Khoản vay thứ nhất:* Ngày 18/7/2022, X vay T3 số tiền: 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)* với lãi suất: 5.000đ/1.000.000đ/ ngày tương ứng với lãi suất: 182,5%/năm. Từ tháng 8/2022 đến ngày 19/12/2023, hàng tháng X đã trả T3 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)* tiền lãi. X chưa thanh toán khoản vay, số tiền lãi T3 thu được là 51.000.000đ *(Năm mươi mốt triệu đồng),* số tiền thu lợi bất chính là: 45.410.959 *(Bốn mươi lăm triệu bốn trăm mười nghìn chín trăm năm mươi chín đồng).*

- *Khoảng vay thứ hai:* Ngày 18/8/2022, X vay T3 số tiền: 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* với lãi suất: 5.000đ/1.000.000đ/ ngày tương ứng với lãi suất: 182,5%/năm. Đến ngày 19/9/2022, X đã trả toàn bộ tiền gốc và lãi cho T3. Số tiền lãi T3 thu được là 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*, số tiền thu lợi bất chính là 1.335.616đ *(Một triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng).*

- *Khoản vay thứ ba:* Ngày 28/9/2022, X vay T3 số tiền: 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)* với lãi suất: 5.000đ/1.000.000đ/ ngày tương ứng với lãi suất: 182,5%/năm. Từ tháng 10/2022 đến tháng 6/2023, hàng tháng X đã trả T3 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)* tiền lãi. Đến ngày 10/7/2023, X trả 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)* tiền gốc và thỏa thuận với T3 tháng 7/2023 không tính tiền lãi. Số tiền lãi T3 thu được là 27.000.000đ *(Hai mươi bảy triệu đồng)*, số tiền thu lợi bất chính là: 24.041.096đ *(Hai mươi tư triệu không trăm bốn mươi mốt nghìn không trăm chín mươi sáu đồng).*

- *Khoản vay thứ tư:* Ngày 30/10/2022, X vay T3 số tiền: 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* với lãi suất: 5.000đ/1.000.000đ/ ngày tương ứng với lãi suất: 182,5%/năm. Từ tháng 11/2022 đến tháng 6/2023, hàng tháng X đã trả T3 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)* tiền lãi. Đến ngày 10/7/2023, X trả 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* tiền gốc và thỏa thuận với T3 tháng 7/2023 không tính tiền lãi. Số tiền lãi T3 thu được là 12.000.000đ *(Mười hai triệu đồng),* số tiền thu lợi bất chính là: 10.684.932đ *(Mười triệu sáu trăm tám mươi tư nghìn chín trăm ba mươi hai đồng).*

- *Khoản vay thứ năm:* Ngày 24/4/2023, X vay T3 số tiền: 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* với lãi suất: 5.000đ/1.000.000đ/ ngày tương ứng với lãi suất: 182,5%/năm. Từ tháng 5/2023 đến tháng 11/2023, hàng tháng X đã trả T3 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)* tiền lãi. X chưa thanh toán khoản vay, số tiền lãi T3 thu được là 10.500.000đ *(Mười triệu năm trăm nghìn đồng),* số tiền thu lợi bất chính là: 9.349.315 *(Chín triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng).*

- *Khoản vay thứ sáu:* Ngày 26/6/2023, X vay T3 số tiền: 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* với lãi suất: 5.000đ/1.000.000đ/ ngày tương ứng với lãi suất: 182,5%/năm. Từ tháng 7/2023 đến tháng 11/2023, hàng tháng X đã trả T3 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)* tiền lãi. X chưa thanh toán khoản vay, số tiền lãi T3 thu được là 7.500.000đ *(Bảy triệu năm trăm nghìn đồng),* số tiền thu lợi bất chính là: 6.678.082đ *(Sáu triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi hai đồng).*

- *Khoản vay thứ bảy:* Ngày 28/7/2023, X vay T3 số tiền: 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* với lãi suất: 5.000đ/1.000.000đ/ ngày tương ứng với lãi suất: 182,5%/năm. Từ tháng 8/2023 đến tháng 11/2023, hàng tháng X đã trả T3 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)* tiền lãi. X chưa thanh toán khoản vay, số tiền lãi T3 thu được là 6.000.000đ *(Sáu triệu đồng),* số tiền thu lợi bất chính là: 5.342.466đ *(Năm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng)*

- *Khoản vay thứ tám:* Ngày 31/8/2023, X vay T3 số tiền: 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)* với lãi suất: 5.000đ/1.000.000đ/ ngày tương ứng với lãi suất: 182,5%/năm. Từ tháng 9/2023 đến tháng 11/2023, hàng tháng X đã trả T3 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)* tiền lãi. X chưa thanh toán khoản vay, số tiền lãi T3 thu được là 9.000.000đ (*Chín triệu đồng*), số tiền thu lợi bất chính là 8.013.699đ *(Tám triệu không trăm mười ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng).*

Tổng số tiền Vũ Thị T3 cho Cao Thị X vay là: 110.000.000đ *(Một trăm mười triệu đồng),* số tiền lãi T3 thu được là 124.500.000đ *(Một trăm hai mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng),* thu lợi bất chính số tiền 110.856.165 *(Một trăm mười triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng).*

5. Hoàng Hồng Q *(sinh năm 1984, T6 tại: Tổ A, phường S, thành phố C)*

- *Khoản vay thứ nhất:* ngày 22/9/2022 Q vay T3 số tiền: 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* với lãi suất: 1.000.000đ/10.000.000đ/ tháng tương ứng với lãi suất: 121,7%/năm, gấp 6,085 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự. Tháng 10 và tháng 11/2022, mỗi tháng Q trả T3 1.000.000đ *(Một triệu đồng)* tiền lãi. Đến ngày 12/12/2022, Q trả T3 10.650.000đ *(Mười triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng)* bao gồm 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* tiền gốc và 650.000đ *(Sáu trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền lãi của 20 ngày. Số tiền lãi T3 thu được là 2.650.000đ *(Hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng),* số tiền thu lợi bất chính là: 2.211.644đ *(Hai triệu hai trăm mười một nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng)*

- *Khoản vay thứ hai:* Vào khoảng cuối tháng 9/2022, Q vay T3 số tiền: 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* với lãi suất: 1.000.000đ/10.000.000đ/ tháng tương ứng với lãi suất: 121,7%/năm. Từ tháng 10/2022 đến tháng 12/2022, hàng tháng Q trả T3 1.000.000đ *(Một triệu đồng)* tiền lãi. Đến ngày 27/01/2023 Q trả T3 11.000.000đ *(Mười một triệu đồng)* bao gồm 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* tiền gốc và 1.000.000đ *(Một triệu đồng)* tiền lãi. Số tiền lãi T3 thu được là 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*), số tiền thu lợi bất chính là 3.342.466đ *(Ba triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng).*

- *Khoản vay thứ ba:* Ngày 10/01/2023, Q vay T3 số tiền: 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)* với lãi suất: 5.000đ/1.000.000đ/ ngày, tương ứng với lãi suất: 182,5%/năm. Đến ngày 18/01/2023, Q trả T3 số tiền: 52.250.000đ *(Năm mươi hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)* bao gồm 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)* tiền gốc và 2.250.000đ *(Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền lãi của 9 ngày. Số tiền lãi T3 thu được là 2.250.000đ *(Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)*, số tiền thu lợi bất chính là: 2.003.425đ *(Hai triệu không trăm linh ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng).*

- *Khoản vay thứ tư:* ngày 24/3/2023, Q vay T3 số tiền: 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)* với lãi suất: 5.000đ/1.000.000đ/ngày tương ứng với lãi suất: 182,5%/năm. Đến ngày 28/3/2023, Q trả T3 số tiền: 30.750.000đ *(Ba mươi triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* bao gồm 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)* tiền gốc và 750.000đ *(B1 trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền lãi của 5 ngày. Số tiền T3 đã thu lợi bất chính là: 667.808đ *(Sáu trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm linh tám đồng).*

- *Khoản vay thứ năm:* Ngày 14/3/2023, Q vay T3 số tiền: 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* với lãi suất: 1.000.000đ/10.000.000đ/tháng tương ứng với lãi suất: 121,7%/năm. Tháng 4/2023, tháng 6/2023 và tháng 7/2023, Q đều trả T3: 1.000.000đ *(Một triệu đồng)* tiền lãi, riêng tháng 5/2023 cả hai đều không nhớ đã trả lãi hay chưa). Ngày 06/7/2023, Q trả T3 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* tiền gốc. Số tiền lãi T3 thu được là 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)*, số tiền thu lợi bất chính là 2.506.849đ *(Hai triệu năm trăm linh sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng).*

- *Khoản vay thứ sáu:* ngày 29/8/2023, Q vay T3 số tiền: 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)* với lãi suất: 1.000.000đ /10.000.000đ/ tháng tương ứng với lãi suất: 121,7%/năm. Tháng 9/2023 và tháng 10/2023, Q đều trả T3 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)* tiền lãi. Số tiền lãi T3 thu được là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), số tiền thu lợi bất chính là 3.342.466đ *(Ba triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng).*

- *Khoản vay thứ bảy:* Ngày 25/11/2023, Q vay T3 số tiền: 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* với lãi suất: 1.000.000đ /10.000.000đ/ tháng tương ứng với lãi suất: 121,7%/năm. Q và T3 đã viết giấy vay tiền và thống nhất sẽ gộp chung khoản vay thứ sáu và khoản vay thứ bảy là 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)*. Ngày 20/02/2024 Q đã trả số tiền vay gốc 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)* cho T3.

Tổng số tiền Vũ Thị T3 cho Hoàng Hồng Q vay là: 140.000.000đ *(Một trăm bốn mươi triệu đồng),* lãi suất vay từ 121,7%/năm (gấp 6,085 lần) đến 182,5%/năm (gấp 9,125 lần) so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự. Số tiền lãi T3 thu được là 16.650.000đ *(Mười sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng),* số tiền thu lợi bất chính là 14.074.658đ *(Mười bốn triệu không trăm bảy mươi tư nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng).*

6. Nông Văn P *(sinh năm 1989; Trú tại: xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng)*

Tháng 8/2022, P vay T3 số tiền: 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)* với lãi suất: 5.000đ/1.000.000đ/ngày tương ứng với lãi suất: 182,5%/năm. Từ tháng 9/2022 đến tháng 3/2023, hàng tháng P trả T3 4.500.000đ *(Bốn triệu năm trăm nghìn đồng)* tiền lãi. Đến tháng 4/2023, P thỏa thuận với T3 chỉ trả 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)* tiền lãi của tháng 4/2023 và các tháng sau đó chỉ trả tiền gốc thì T3 đồng ý. Đến nay, P đã trả cho T3 24.000.000đ *(Hai mươi tư triệu đồng)* tiền gốc. Số tiền lãi T3 thu được là 34.500.000đ *(Ba mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng),* số tiền thu lợi bất chính là: 30.555.120đ *(Ba mươi triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn một trăm hai mươi đồng).*

7. Nguyễn Đức T2 *(sinh năm: 1987, T6 tại: Tổ A, phường S, thành phố C)*

Ngày 05/12/2023, Nguyễn Đức T2 vay của Vũ Thị Thanh s tiền: 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)* với lãi suất: 5.000đ/1.000.000đ/ ngày tương ứng với lãi suất: 182,5%/năm. Đến ngày 10/12/2023, Nguyễn Đức T2 vay thêm 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)* với lãi suất không đổi. Tổng số tiền vay lúc này là: 40.000.000đ *(Bốn mươi triệu đồng).* Đến ngày 23/12/2023, Nguyễn Đức T2 trả tiền lãi của nửa tháng cho Vũ Thị T3 là 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)*. Vũ Thị T3 đã thu lợi bất chính số tiền: 2.671.232đ *(Hai triệu sáu trăm bảy mươi mốt nghìn hai trăm ba mươi hai đồng).*

Quá trình điều tra Vũ Thị T3 khai nhận: Tổng số tiền Vũ Thị T3 đã cho 07 người có tên như trên vay là 434.000.000đ *(Bốn trăm ba mươi tư triệu đồng),* lãi suất vay từ 121,7%/năm (gấp 6,085 lần) đến 182,5%/năm (gấp 9,125 lần) so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự. Số tiền lãi thu được là 290.300.000đ *(Hai trăm chín mươi triệu ba trăm nghìn đồng),* trong đó số tiền lãi được phép thu theo quy định là 32.903.785đ *(Ba mươi hai triệu chín trăm linh ba nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng)*, số tiền thu lợi bất chính là 257.396.215 *(Hai trăm năm mươi bảy triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm mười lăm đồng)*.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Thanh B, Vương Thị Thu H1, Đặng Kim T1, Cao Thị X, Nông Văn P và Nguyễn Đức T2 xác nhận đã vay tiền của Vũ Thị T3 với mức lãi suất 5.000đ/1triệu/ngày (182,5%/năm), Hoàng Hồng Q vay 07 mã vay trong đó có 5 khoản vay với mức lãi suất 1.000.000/10.000.000/1 tháng (121,7%/năm) và 2 khoản vay mới mức lãi suất 5.000đ/1triệu/ngày (182,5%/năm).

Hành vi của Vũ Thị T3 đã bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C lập hồ sơ đề nghị truy tố trước pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 89/CT-VKSTP ngày 21/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng quyết định truy tố bị cáo Vũ Thị T3 về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử Vũ Thị T3 đã trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, cụ thể:

- Trả cho Vương Thị Thu H1 35.616.438đ (*Ba mươi lăm triệu sáu trăm mười sáu nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng*);

- Trả cho Hoàng Hồng Q 14.074.658đ (*Mười bốn triệu không trăm bảy mươi tư nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng*);

- Trả cho Đặng Kim T1 24.486.301đ (*Hai mươi tư triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm linh một đồng*);

- Trả cho Cao Thị X số tiền 101.856.165đ (*Một trăm linh một triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng*).

Ngày 27/5/2024 Vũ Thị T3 nộp số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng.

Tại phiên toà:

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xác nhận Đặng Kim T1, Vương Thị Thu H1, Cao Thị X, Hoàng Hồng Q đã trả cho bị cáo toàn bộ số nợ gốc, Nông Văn P chưa trả 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*); Lê Thị Thanh B chưa trả 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*); Nguyễn Đức T2 chưa trả 28.000.000đ (*Hai mươi tám triệu đồng*). Việc bị cáo tự nguyện trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự với mong muốn sửa chữa sai lầm, khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm đã gây ra nên những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Kim T1, Vương Thị Thu H1, Cao Thị X, Hoàng Hồng Q đã làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đối với việc nộp số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) tại Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng là tiền thu lợi do hành vi vi phạm pháp luật có được.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng giữ nguyên quyết định truy tố và trình bày quan điểm về hướng giải quyết vụ án như sau: bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước. Bản thân bị cáo là người có nhân thân xấu, tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên toà luôn có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; trong thời gian chuẩn bị xét xử, bị cáo đã tự nguyện trả lại số tiền thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Đặng Kim T1, Vương Thị Thu H1, Cao Thị X, Hoàng Hồng Q đã làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo đã nộp số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) tại Chi Cục Thi hành án dân sự. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật hình sự áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo, xử phạt bị cáo từ 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) đến 210.000.000đ (*Hai trăm mười triệu đồng*).

Đề nghị tịch thu số tiền gốc bị cáo cho vay từ bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chưa trả cho bị cáo; tịch thu của bị cáo số tiền lãi đã thu tương ứng với lãi suất 20%/năm; buộc bị cáo phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền thu lợi bất chính, riêng đối với số tiền thu lợi bất chính Nguyễn Đức T2 không yêu cầu bị cáo trả lại, cần tịch thu số tiền này từ bị cáo để sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước điện thoại di động là công cụ, phương tiện phạm tội.

Về án phí: buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng về tội danh, hành vi phạm tội, mức hình phạt và quan điểm xử lý nên không có ý kiến tranh luận.

Khi được nói lời sau cùng, bị cáo trình bày về bản thân tuổi đã cao, sức khoẻ yếu đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt thấp nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm và có điều kiện tiếp tục lao động trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo Vũ Thị T3 phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án. Cụ thể như: Biên bản làm việc hồi 10 giờ 23 phút ngày 23/12/2023 tại Công an thành phố C, biên bản khám xét, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, sao kê tài khoản ngân hàng và các vật chứng thu giữ.

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận định, có đủ căn cứ chứng minh: trong khoảng thời gian từ tháng 7/2022 đến tháng 12/2023, Vũ Thị T3 đã cho 07 người gồm: Lê Thị Thanh B, Vương Thị Thu H1, Đặng Kim T1, Cao Thị X, Hoàng Hồng Q, Nông Văn P và Nguyễn Đức T2 vay tiền với số tiền từ

5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) đến 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*), lãi suất vay từ 121,7%/năm (gấp 6,085 lần) đến 182,5%/năm (gấp 9,125 lần) so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự. Tổng số tiền T2 cho vay là 434.000.000đ *(Bốn trăm ba mươi tư triệu đồng),* số tiền lãi thu được là 290.300.000đ *(Hai trăm chín mươi triệu ba trăm nghìn đồng),* trong đó số tiền lãi được phép thu theo quy định là 32.903.785đ *(Ba mươi hai triệu chín trăm linh ba nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng),* số tiền thu lợi bất chính là 257.396.215đ *(Hai trăm năm mươi bảy triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm mười lăm đồng).*

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp với mục đích hưởng lợi từ hành vi cho vay lãi nặng đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng và xâm phạm đến lợi ích của công dân. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

"Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm

3…"

[3]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tặng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng mà còn mang tính chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần xử lý nghiêm khắc để giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

Nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng bị kết án và nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính, mặc dù bị cáo đã được xóa án tích và các hành vi vi phạm đã hết thời hiệu truy cứu nhưng qua đó đã thể hiện thái độ chấp hành pháp luật của bị cáo.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; trong thời gian chuẩn bị xét xử bị cáo đã chủ động trả lại số tiền thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan với tổng số tiền 176.033.562đ (*Một trăm bảy mươi sáu triệu không trăm ba*

mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng) để khắc phục hậu quả đã gây ra và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo đã tự nguyện đến Chi cục Thi hành án dân sự nộp số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) nên khi quyết định hình phạt cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Không có.

[4]. Hình phạt chính: bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng đã tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả bằng cách trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên 1/2 số tiền thu lợi bất chính. Mặt khác, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng nên áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền trên mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và đảm bảo nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo hướng dẫn của Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP.

[5]. Về hình phạt bổ sung: do hình phạt chính được áp dụng là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền với bị cáo.

[6]. Biện pháp tư pháp:

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" cần xử:

- Đối với số tiền bị cáo dùng để cho vay (tiền gốc) cần tịch thu sung quỹ nhà nước, bị cáo cho 07 người vay với tổng số tiền 434.000.000đ *(Bốn trăm ba mươi tư triệu đồng)* trong đó:

+ Số tiền người vay đã trả cho bị cáo số tiền 380.000.000đ (*Ba trăm tám mươi triệu đồng*) cần tịch thu số tiền này từ bị cáo.

+ Số tiền người vay chưa trả cho bị cáo cần tịch thu từ người vay, cụ thể: tịch thu từ Lê Thị Thanh B số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*); tịch thu từ Nguyễn Đức T2 số tiền 28.000.000đ (*Hai mươi tám triệu đồng*) và tịch thu từ Nông Văn P số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*).

- Đối với khoản tiền lãi thu được là 290.300.000đ *(Hai trăm chín mươi triệu ba trăm nghìn đồng)* được xử lý như sau:

+ Số tiền lãi suất tương ứng với lãi suất 20%/năm là 32.903.785đ *(Ba mươi hai triệu chín trăm linh ba nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng)* là tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu đối với bị cáo để nộp ngân sách Nhà nước.

+ Số tiền lãi suất vượt quá 20%/năm là 257.396.215 *(Hai trăm năm mươi bảy triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm mười lăm đồng)* là tiền bị cáo thu lợi bất chính từ người vay nên cần buộc bị cáo trả khoản tiền này cho những người vay, cụ thể: trả cho Lê Thị Thanh B số tiền 39.136.301đ (*Ba mươi chín triệu một trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm linh một đồng*); trả cho Nông Văn P số tiền 30.555.120đ (*Ba mươi triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm đồng*).

Xác nhận bị cáo đã trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Hồng Q, Đặng Kim T1, Cao Thị X và Vương Thị Thu H1 tổng số tiền là 176.033.562đ (*Một trăm bảy mươi sáu triệu không trăm ba mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng*).

Về số tiền thu lợi bất chính bị cáo đã thu của Nguyễn Đức T2 là 2.671.232đ (*Hai triệu sáu trăm bảy mươi mốt nghìn hai trăm ba mươi hai đồng*), tại đơn xin xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo trả lại nên cần tịch thu số tiền này từ bị cáo để nộp ngân sách Nhà nước.

[7]. Về xử lý vật chứng:

Điện thoại di động bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội cần tịch thu, phát mại nộp ngân sách Nhà nước.

[8]. Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tại phiên tòa về tội danh, hình phạt và quan điểm xử lý là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hoàn cảnh kinh tế của bị cáo, nên cần được chấp nhận.

Xét đề nghị xin được hưởng mức hình phạt thấp nhất của bị cáo là thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên cần được xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và mức hình phạt:

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Vũ Thị T3 phạm tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*".

Xử phạt Vũ Thị T3 số tiền 210.000.000đ (*Hai trăm mười triệu đồng*) nộp vào ngân sách Nhà nước.

2. Biện pháp tư pháp:

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*".

- Truy thu nộp ngân sách Nhà nước đối với bị cáo:

+ Số tiền gốc cho vay là 380.000.000đ (*Ba trăm tám mươi triệu đồng*).

+ Số tiền lãi suất tương ứng với lãi suất 20%/năm là 32.903.785 đ *(Ba mươi hai triệu chín trăm linh ba nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng)*.

- T7 từ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án số tiền gốc chưa trả, cụ thể:

Tịch thu từ Lê Thị Thanh B (địa chỉ: tổ A, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*).

Tịch thu từ Nguyễn Đức T2 (địa chỉ: tổ A, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) số tiền 28.000.000đ (*Hai mươi tám triệu đồng*).

Tịch thu từ Nông Văn P (địa chỉ: xóm L, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng) số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*).

- Buộc bị cáo phải trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khoản tiền thu lợi bất chính, cụ thể:

+ Trả cho chị Lê Thị Thanh B, địa chỉ: tổ A, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng số tiền 39.136.301đ (*Ba mươi chín triệu một trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm linh một đồng*);

+ Trả cho Nông Văn P, địa chỉ: xóm L, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng số tiền 30.555.120đ (*Ba mươi triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm đồng*).

+ Số tiền 2.671.232đ (*Hai triệu sáu trăm bảy mươi mốt nghìn hai trăm ba mươi hai đồng*) Nguyễn Đức T2 không yêu cầu bị cáo trả lại cần tịch thu từ bị cáo để sung quỹ Nhà nước.

Xác nhận bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) theo biên lai số 0001040 ngày 27/5/2024, số tiền này sẽ được khấu trừ khi thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu phát mại nộp ngân sách Nhà nước 01 (*Một*) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 PLUS màu vàng trắng, số IMEI (theo quyết định chuyển vật chứng): 355734078274169, điện thoại gắn sim số: 0379.418.203, điện thoại cũ đã qua sử dụng. Do điện thoại không khởi động được nên không kiểm tra thực tế được số IMEI trong máy.

Xác nhận vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao, nhận vật chứng số 112 ngày 23 tháng 5 năm 2024.

4. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Vũ Thị T3 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo:

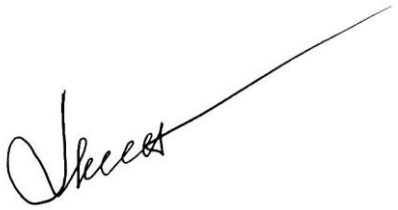
Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

-Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Công an TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA



Lê Thị Hiền